

BÙI SỸ TỤNG – LÊ VĂN CẦU

**TÀI LIỆU
CẬP NHẬT MỘT SỐ THÔNG TIN
TRONG SÁCH GIÁO VIÊN
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP 11, 12**

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 11	4
Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 12	5

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện Nghị quyết 40/QH năm 2000 của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành đổi mới chương trình, sách giáo khoa từ năm 2002. Trong giai đoạn từ năm 2002 đến năm 2008, việc biên soạn và xuất bản sách giáo khoa đã được triển khai theo hình thức cuốn chiếu. Vì được biên soạn cách đây trên 10 năm nên một số số liệu, thông tin trong sách giáo khoa không tránh khỏi lạc hậu so với thực tế.

Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng liên quan tới đường lối đổi mới của Đảng nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sau khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực thì nhiều kiến thức pháp luật cũng thay đổi theo cho phù hợp với Hiến pháp (Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Nghĩa vụ quân sự, Bộ luật Lao động,...).

Sách giáo khoa môn ***Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*** cấp Trung học phổ thông có nhiều bài học liên quan tới vấn đề kinh tế, chính trị – xã hội và pháp luật. Phần *Tài liệu tham khảo* và phần *Các chủ đề hoạt động* thường trích dẫn một số nội dung của văn kiện Đại hội Đảng và văn bản luật, trong đó có những luật vừa được sửa đổi theo Hiến pháp năm 2013. Vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ thiết thực cho giáo viên và học sinh trong việc dạy – học theo chương trình và sách giáo khoa hiện hành, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn ***Tài liệu cập nhật một số thông tin trong sách giáo viên Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 11, 12*** nhằm chỉnh sửa một số nội dung trong sách ***Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*** theo tinh thần cập nhật thông tin của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và pháp luật trong một số bài học liên quan. **Không sửa chữa nội dung kiến thức bài học.**

Với mong muốn hỗ trợ và phục vụ thiết thực cho giáo viên và học sinh trong quá trình giảng dạy và học tập, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam rất mong nhận được sự góp ý để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

CÁC TÁC GIẢ

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP 11

SÁCH GIÁO VIÊN

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
Chủ đề hoạt động tháng 9: Thanh niên học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước			
11	14, 15	VII, IX, X và XI	XI và XII
Chủ đề hoạt động tháng 1: Thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc			
48	1 - 8	– Hiến pháp năm 1992 [...] con người Việt Nam,...	– Hiến pháp năm 2013, chương III cũng khẳng định rõ chính sách văn hoá của Nhà nước ta đã đề cập đến văn hoá ở các khía cạnh: + Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. + Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Tư liệu tham khảo			
120	24	– Hiện nay: Ông Ban-ki-mun [...] 2007.	– Ông Ban-ki-mun (Hàn Quốc): Từ năm 2007 – 2016. – Hiện nay: Ông An-tâu-ni-âu Gu-ti-rét (Bồ Đào Nha): Từ tháng 1 năm 2017.

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP 12

SÁCH GIÁO VIÊN

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
Chủ đề hoạt động tháng 10: Thanh niên với tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình			
17	12		Bổ sung: Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 gồm 9 chương với 133 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-2015. Luật này thay thế Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
18	29	Cuốn Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành (NXB Chính trị quốc gia).	Cuốn Luật Hôn nhân và Gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành (NXB Tư pháp, 2017).
Chủ đề hoạt động tháng 12: Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc			
34	22	IX, X	IX, X, XI, XII
35	27	Những nhiệm vụ lớn của đất nước từ 2006 – 2010 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đề ra.	Những nhiệm vụ lớn của đất nước từ 2016 – 2020 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đề ra.
36	3	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, IX của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
	4	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Hội sinh viên Việt Nam.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Hội sinh viên Việt Nam.
37	17	Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX phát động.	Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ X, XI phát động.
43	23	Luật Nghĩa vụ quân sự gồm [...] 71 điều.	Ngày 19-6-2015, Quốc hội thông qua Luật Nghĩa vụ quân sự, gồm có 9 chương, 62 điều.
Chủ đề hoạt động tháng 3: Thanh niên với vấn đề lập nghiệp			
70	6↑		Bổ sung: Ngày 18-6-2012, tại kì họp thứ 3, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Bộ luật Lao động năm 2012.
72	7	...với Điều 6 của Bộ luật Lao động không?	...với Điều 3, Khoản 1 của Bộ luật Lao động năm 2012 không?
	8	Điều 119 của Bộ luật Lao động	Điều 161, 162 của Bộ luật Lao động năm 2012

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
Tư liệu tham khảo			
99, 100, 101, 102, 103, 104	2 (tr99) – 15 (tr104)	I – MỘT SỐ ĐIỀU QUY ĐỊNH TRONG LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH [...] của gia đình Việt Nam.	I – LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 (trích) Điều 3. Giải thích từ ngữ (trích) Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: – <i>Hôn nhân</i> là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn. – <i>Gia đình</i> là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật này. – <i>Kết hôn</i> là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật này về điều kiện kết hôn và đăng kí kết hôn. – <i>Kết hôn trái pháp luật</i> là việc nam, nữ đã đăng kí kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này. – <i>Tảo hôn</i> là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật này. – <i>Cưỡng ép kết hôn, li hôn</i> là việc đe dọa, uy hiếp tinh thần, hành hạ, ngược đãi, yêu sách của cải hoặc hành vi khác để buộc người khác phải kết hôn hoặc li hôn trái với ý muốn của họ. – <i>Thời kì hôn nhân</i> là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, được tính từ ngày đăng kí kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân. – <i>Li hôn</i> là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. – <i>Cấp dưỡng</i> là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên, người đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình hoặc người gặp khó khăn, túng thiếu theo quy định của Luật này.

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 5. Bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình (trích)</p> <p>1. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.</p> <p>2. Cấm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Kết hôn giả tạo, li hôn giả tạo;</p> <p>b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;</p> <p>c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;</p> <p>d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;</p> <p>đ) Yêu sách của cải trong kết hôn;</p> <p>e) Cưỡng ép li hôn, lừa dối li hôn, cản trở li hôn;</p> <p>g) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;</p> <p>h) Bạo lực gia đình;</p> <p>i) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.</p> <p>Điều 8. Điều kiện kết hôn</p> <p>1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;</p> <p>b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;</p> <p>c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.</p> <p>2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 17. <i>Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng</i> Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan.</p> <p>Điều 19. <i>Tình nghĩa vợ chồng</i> 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và lí do chính đáng khác.</p> <p>Điều 21. <i>Tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng</i> Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.</p> <p>Điều 22. <i>Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng</i> Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.</p> <p>Điều 23. <i>Quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội</i> Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.</p> <p>Điều 69. <i>Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ</i> 1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. 2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>3. Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.</p> <p>Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của con</p> <p>1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.</p> <p>2. Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.</p> <p>3. Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc.</p> <p>Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.</p> <p>4. Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.</p> <p>5. Được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 71. Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng</p> <p>1. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.</p> <p>2. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.</p> <p>Điều 72. Nghĩa vụ và quyền giáo dục con</p> <p>1. Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, chăm lo và tạo điều kiện cho con học tập. Cha mẹ tạo điều kiện cho con được sống trong môi trường gia đình đầm ấm, hoà thuận; làm gương tốt cho con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục con.</p> <p>2. Cha mẹ hướng dẫn con chọn nghề; tôn trọng quyền chọn nghề, quyền tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của con.</p> <p>3. Cha mẹ có thể đề nghị cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện việc giáo dục con khi gặp khó khăn không thể tự giải quyết được.</p> <p>Điều 73. Đại diện cho con</p> <p>1. Cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, trừ trường hợp con có người khác làm giám hộ hoặc có người khác đại diện theo pháp luật.</p> <p>2. Cha hoặc mẹ có quyền tự mình thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.</p> <p>3. Đối với giao dịch liên quan đến tài sản là bất động sản, động sản có đăng kí quyền sở hữu, quyền sử dụng, tài sản đưa vào kinh doanh của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì phải có sự thoả thuận của cha mẹ.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>4. Cha, mẹ phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản của con được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và theo quy định của Bộ luật Dân sự.</p> <p>Điều 74. Bồi thường thiệt hại do con gây ra Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định của Bộ luật Dân sự.</p> <p>Điều 75. Quyền có tài sản riêng của con</p> <p>1. Con có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của con bao gồm tài sản được thừa kế riêng, được tặng cho riêng, thu nhập do lao động của con, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của con và thu nhập hợp pháp khác. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của con cũng là tài sản riêng của con.</p> <p>2. Con từ đủ 15 tuổi trở lên sống chung với cha mẹ phải có nghĩa vụ chăm lo đời sống chung của gia đình; đóng góp vào việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nếu có thu nhập.</p> <p>3. Con đã thành niên có nghĩa vụ đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 70 của Luật này.</p> <p>Điều 76. Quản lý tài sản riêng của con</p> <p>1. Con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý.</p> <p>2. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con. Tài sản riêng của con do cha mẹ hoặc người khác quản lý được giao lại cho con khi con từ đủ 15 tuổi trở lên hoặc khi con khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp cha mẹ và con có thoả thuận khác.</p> <p>3. Cha mẹ không quản lý tài sản riêng của con trong trường hợp con đang được người khác giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự; người tặng cho tài sản hoặc để lại tài sản thừa kế theo di chúc cho người con đã chỉ định người khác quản lý tài sản đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>4. Trong trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý theo quy định của Bộ luật dân sự.</p> <p>Điều 103. Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình</p> <p>1. Các thành viên gia đình có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau. Quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản của các thành viên gia đình quy định tại Luật này, Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan được pháp luật bảo vệ.</p> <p>2. Trong trường hợp sống chung thì các thành viên gia đình có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động tạo thu nhập; đóng góp công sức, tiền hoặc tài sản khác để duy trì đời sống chung của gia đình phù hợp với khả năng thực tế của mình.</p> <p>3. Nhà nước có chính sách tạo điều kiện để các thế hệ trong gia đình quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam; khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong xã hội cùng tham gia vào việc giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam.</p> <p>Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu</p> <p>1. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.</p> <p>2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 105. <i>Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em</i> Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.</p>
110, 111, 112, 113	6↑ (tr110) – 13 (tr113)	<p>III – MỘT SỐ ĐIỀU QUY ĐỊNH TRONG BỘ LUẬT LAO ĐỘNG [...] bảo hiểm y tế</p>	<p>III – BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NĂM 2012</p> <p>Điều 3. <i>Giải thích từ ngữ</i> (trích) Trong Bộ luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – <i>Người lao động</i> là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành của người sử dụng lao động. – <i>Người sử dụng lao động</i> là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động; nếu là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. <p>Điều 4. <i>Chính sách của Nhà nước về lao động</i> (trích) Tạo điều kiện thuận lợi đối với hoạt động tạo ra việc làm, tự tạo việc làm, dạy nghề và học nghề để có việc làm; hoạt động sản xuất, kinh doanh thu hút nhiều lao động.</p> <p>Điều 5. <i>Quyền và nghĩa vụ của người lao động</i></p> <p>1. Người lao động có các quyền sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử; b) Hưởng lương phù hợp với trình độ kĩ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn lao động, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có lương và được hưởng phúc lợi tập thể; c) Thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại với người sử dụng lao động, thực hiện quy chế dân chủ và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tham gia quản lí theo nội quy của người sử dụng lao động;

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>d) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Đình công.</p> <p>2. Người lao động có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể;</p> <p>b) Chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động, tuân theo sự điều hành hợp pháp của người sử dụng lao động;</p> <p>c) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.</p> <p><i>Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động</i></p> <p>1. Người sử dụng lao động có các quyền sau đây:</p> <p>a) Tuyển dụng, bố trí, điều hành lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; khen thưởng và xử lí vi phạm kỉ luật lao động;</p> <p>b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Yêu cầu tập thể lao động đối thoại, thương lượng, kí kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; trao đổi với công đoàn về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;</p> <p>d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc.</p> <p>2. Người sử dụng lao động có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận khác với người lao động, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;</p> <p>b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại với tập thể lao động tại doanh nghiệp và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế dân chủ ở cơ sở;</p> <p>c) Lập sổ quản lí lao động, sổ lương và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;</p> <p>d) Khai trình việc sử dụng lao động trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bắt đầu hoạt động và định kì báo cáo tình hình thay đổi về lao động trong quá trình hoạt động với cơ quan quản lí nhà nước về lao động ở địa phương;</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>đ) Thực hiện các quy định khác của pháp luật về lao động, pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.</p> <p>Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, nhiễm HIV, khuyết tật hoặc vì lí do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn. 2. Ngược đãi người lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc. 3. Cưỡng bức lao động. 4. Lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, tập nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc dụ dỗ, ép buộc người học nghề, người tập nghề vào hoạt động trái pháp luật. 5. Sử dụng lao động chưa qua đào tạo nghề hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo nghề hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia. 6. Dụ dỗ, hứa hẹn và quảng cáo gian dối để lừa gạt người lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện hành vi trái pháp luật. 7. Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật. <p>Điều 15. Hợp đồng lao động</p> <p>Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.</p> <p>Điều 36. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 192 của Bộ luật này. 2. Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động. 3. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>4. Người lao động đủ điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này.</p> <p>5. Người lao động bị kết án tù giam, tử hình hoặc bị cấm làm công việc ghi trong hợp đồng lao động theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Toà án.</p> <p>6. Người lao động chết, bị Toà án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết.</p> <p>7. Người sử dụng lao động là cá nhân chết, bị Toà án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc là đã chết; người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động.</p> <p>8. Người lao động bị xử lý kỉ luật sa thải theo quy định tại khoản 3 Điều 125 của Bộ luật này.</p> <p>9. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật này.</p> <p>10. Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật này; người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lí do kinh tế hoặc do sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, hợp tác xã.</p> <p>Điều 59. Học nghề và dạy nghề</p> <p>1. Người lao động được lựa chọn nghề, học nghề tại nơi làm việc phù hợp với nhu cầu việc làm của mình.</p> <p>2. Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động có đủ điều kiện thành lập cơ sở dạy nghề hoặc mở lớp dạy nghề tại nơi làm việc để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kĩ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình và đào tạo nghề cho người học nghề khác theo quy định của pháp luật dạy nghề.</p> <p>Điều 161. Lao động chưa thành niên Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 162. <i>Sử dụng người lao động chưa thành niên</i></p> <p>1. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khoẻ để bảo đảm sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khoẻ, học tập trong quá trình lao động.</p> <p>2. Khi sử dụng người lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, công việc đang làm, kết quả những lần kiểm tra sức khoẻ định kì và xuất trình khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.</p>
113, 114, 115, 116	14 (tr113) – 8↑ (tr116)	<p>IV – MỘT SỐ ĐIỀU QUY ĐỊNH TRONG LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM [...] truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>	<p>IV – LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ NĂM 2015 (trích)</p> <p>Điều 4. <i>Nghĩa vụ quân sự</i> (trích)</p> <p>1. Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ về vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.</p> <p>2. Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Công dân phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.</p> <p>[...]</p> <p>Điều 5. <i>Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự</i></p> <p>Cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình có trách nhiệm giáo dục, động viên và tạo điều kiện cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>Điều 6. Nghĩa vụ phục vụ tại ngũ</p> <p>1. Công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân.</p> <p>2. Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời bình nếu tự nguyện và quân đội có nhu cầu thì được phục vụ tại ngũ.</p> <p>Điều 7. Nghĩa vụ phục vụ trong ngạch dự bị</p> <p>1. Công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có nghĩa vụ phục vụ trong ngạch dự bị bao gồm các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hết độ tuổi gọi nhập ngũ nhưng chưa phục vụ tại ngũ;</p> <p>b) Thôi phục vụ tại ngũ;</p> <p>c) Thôi phục vụ trong Công an nhân dân.</p> <p>2. Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.</p> <p>Chính phủ quy định ngành, nghề chuyên môn tại khoản này.</p> <p>Điều 12. Đối tượng đăng kí nghĩa vụ quân sự</p> <p>1. Công dân nam đủ 17 tuổi trở lên.</p> <p>2. Công dân nữ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này đủ 18 tuổi trở lên.</p> <p>Điều 14. Đối tượng miễn đăng kí nghĩa vụ quân sự</p> <p>Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 16. Đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu</p> <p>1. Tháng một hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện danh sách công dân nam đủ 17 tuổi trong năm và công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa đăng kí nghĩa vụ quân sự.</p> <p>2. Tháng tư hằng năm, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện ra lệnh gọi công dân quy định tại khoản 1 Điều này để đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu.</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>3. Công dân đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu phải trực tiếp đăng kí tại cơ quan đăng kí nghĩa vụ quân sự quy định tại Điều 15 của Luật này.</p> <p>Điều 21. Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ</p> <p>1. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không quá 06 tháng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đảm bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu;</p> <p>b) Đang thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn.</p> <p>3. Thời hạn phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng được thực hiện theo lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ.</p> <p>Điều 30. Độ tuổi gọi nhập ngũ</p> <p>Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.</p> <p>Điều 41. Tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ (trích)</p> <p>1. Tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:</p> <p>a) Chưa đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khoẻ;</p> <p>b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;</p> <p>c) Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;</p>

Trang	Dòng	Sách hiện hành	Sửa thành
			<p>d) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;</p> <p>đ) Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;</p> <p>e) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khoá đào tạo của một trình độ đào tạo.</p> <p>2. Miễn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:</p> <p>a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;</p> <p>b) Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;</p> <p>c) Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;</p> <p>d) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;</p> <p>đ) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.</p> <p>3. Công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không còn lí do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ.</p> <p>Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tình nguyện thì được xem xét tuyển chọn và gọi nhập ngũ.</p> <p>[...]</p>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập PHẠM QUỲNH
Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung:

NGUYỄN THỊ TRANG

Thiết kế sách:

NGUYỄN KIM TOÀN

Sửa bản in:

TRỊNH ĐÌNH DŨNG

Chế bản:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

**TÀI LIỆU CẬP NHẬT MỘT SỐ THÔNG TIN TRONG SÁCH GIÁO VIÊN
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP 11, 12**

Mã số :

In cuốn, khổ 21×29,5 cm, tại Công ty In

Địa chỉ :

Số ĐKXB :

Số QĐXB :

In xong và nộp lưu chiểu quý năm 2020.

Mã số ISBN : 978-604-0-